TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn;

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: không.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 152/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/01/1971.

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: ông Lê Văn Đ, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn Đ chung sống với nhau được cha, mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1986 đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông, bà có 04 (bốn) người con chung lên: Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 15/8/1987, Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 01/6/1989, Lê Thị Cẩm T1, sinh ngày 16/5/1997 và Lê Thị Như Y, sinh ngày 16/7/1998. Tất cả các con đã trưởng thành và sống tự lập. Do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông, bà đã ly thân nhau. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay bà D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Văn Đ, sinh năm 1958.

- Về con chung: Tất cả các con đã trưởng thành và sống tự lập, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Văn Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án ông không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn Đ vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Đ nhưng ông Đ không có ý kiến gì nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà D và ông Đ chung sống với nhau vào năm 1986, mặc dù không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận là vợ chồng, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng ly thân nhau. Theo đơn khởi kiện bà D trình bày nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là do trước đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Việc bà D khởi kiện thì ông Đ không có ý kiến gì. Xét thấy, mối quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Bởi lẽ, theo lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Tất cả các con đã trưởng thành và sống tự lập, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung: Do nguyên đơn tự khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Do nguyên đơn tự khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị D ly hôn ông Lê Văn Đ.

[2] Về con chung: Tất cả các con đã trưởng thành và sống tự lập, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[3] Về tài sản chung: Do bà Nguyễn Thị D tự khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Do bà Nguyễn Thị D tự khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Nguyễn Thị D đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007059 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách không nộp thêm. Ông Lê Văn Đ không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình